

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-ST

Ngày 27-8-2025

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
công nhận quyền sử dụng đất”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2024 về việc *“Tranh chấp yêu cầu công nhận thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Lệ H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 341/2 Tôn Đ, phường An K (tổ 16, phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), TP Đà Nẵng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1968; địa chỉ: K814A/H54/8 đường Trần Cao V, phường Thanh K (tổ 26, phường Thanh K Đông, quận Thanh K cũ), TP Đà Nẵng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Anh T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 341/2 Tôn Đ, phường An K, (tổ 16, phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), TP Đà Nẵng; có mặt.

2. Ông Phạm Tiến D, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 341/2 Tôn Đ, phường An K (tổ 16, phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), TP Đà Nẵng; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm 1972; địa chỉ: K814A/H54/8 đường Trần Cao V, phường Thanh K (tổ 26, phường Thanh K Đông, quận Thanh K cũ), TP Đà Nẵng; có mặt.

4. Cháu Phạm Thị Q, sinh năm 2010. Người đại diện hợp pháp là ông Phạm Anh T và bà Đặng Thị Lệ H (cha mẹ em Anh); cùng địa chỉ: Số 341/2

Tôn Đ, phường An K (tổ 16, phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), TP Đà Nẵng; bà H, ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2023, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 27/11/2023, Bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đặng Thị Lệ H trình bày:

Bà H xác định, bà có quan hệ là em ruột của ông Đặng Văn C, năm 2011 bà có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn C diện tích đất 60m², tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C; tọa lạc tại phường An K, (phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng, giá chuyển nhượng 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) có viết giấy tay nhưng đã hủy bỏ, bà H đã trả đủ tiền cho diện tích đất này. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà H đã xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên toàn bộ diện tích đất ở cho đến nay. Năm 2022 bà nhận chuyển nhượng thêm 30m² đất của thửa trên (tiếp giáp với 60m² đất nhận chuyển nhượng trước đó về phía bắc), với giá 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), bà H đã trả cho ông C 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), còn nợ lại 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và hẹn đến khi nào tách thửa, công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất thì trả số tiền còn nợ. Tổng hai lần bà H nhận chuyển nhượng đất của ông C là 90m², hai bên đã viết lại giấy nhận chuyển nhượng đất và cùng ký tên (giấy viết tay). Ranh giới đất nhận chuyển nhượng có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp với đường bê tông, dài từ móng nhà cấp 4 bà H xây dựng từ Nam đến Bắc; hướng Tây giáp với đường bê tông, dài từ móng nhà cấp 4 bà H xây dựng từ Nam đến Bắc; hướng Nam giáp với đường đất, dài 5,09m, hướng Bắc giáp với phần đất còn lại của hộ ông C dài 5,09m. (Sơ đồ chuyển nhượng là sơ đồ mà Tòa án đã vẽ kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ).

Quá trình sử dụng đất, bà H đã nộp thuế, ký hợp đồng sử dụng nước thủy cục, điện chiếu sáng, đăng ký hộ khẩu thường trú, cùng chồng và các con sống tại nhà đất trên từ năm 2011 đến nay. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông C thực hiện việc tách thửa, ký hợp đồng chuyển nhượng để sang tên cho bà nhưng ông C có lúc đồng ý, có lúc không (đã nhiều lần mời Trung tâm đo đạc bản đồ lên đo và có sơ đồ cắt đất nhưng sau đó ông C thay đổi và không đồng ý chuyển nhượng). Để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình, bà H khởi kiện ông Đặng Văn C là đại diện hộ gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết với các nội dung sau:

- Công nhận giao dịch mua bán đất năm 2011, được viết lại tại giấy mua bán đất ngày 10/8/2022 giữa bên chuyển nhượng ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P với bên nhận chuyển nhượng bà Đặng Thị Lệ H, diện tích đất 90m², tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C là hợp pháp.

- Công nhận bà H là chủ sử dụng đối với 90m² đất trên. Buộc ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị Diễm P giao quyền sử dụng 90m², thửa số 54, tờ bản

đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775; tọa lạc tại phường An K, (phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng cho bà Đặng Thị Lệ H.

- Đối với số tiền còn nợ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của việc mua 30m² đất, bà H đồng ý trả cho ông C, bà P.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản bà Đặng Thị Lệ H thống nhất và không có ý kiến gì.

Về kết quả đo đạc: Bà H thống nhất với kết quả đo đạc, không yêu cầu đo lại nhưng đề nghị Tòa án lấy phần cự ly cạnh phía nam 5,09m (phần móng nhà cấp 4) làm căn cứ để kéo dài ra hướng bắc của lô đất, đó là sơ đồ đất hai bên chuyển nhượng.

Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bản đồ và thẩm định giá tài sản nguyên đơn bà H xin tự nguyện chịu, không yêu cầu bị đơn ông Đặng Văn C phải trả lại.

Về án phí: Nguyên đơn bà H xin tự nguyện chịu.

Tại Bản trình bày ý kiến, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn C trình bày:

Ông C xác định, ông có chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Lệ H (em ruột ông C) 90m² đất nằm trong thửa số 54, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bán đất) cho bà H được thực hiện hai lần, lần 01 là 60m² năm 2011 và lần 02 là 30m² vào năm 2022. Hai bên có viết lại giấy bán đất cho bà H vào ngày 10/8/2022. Ông C xác định ông vừa cho vừa bán, giá bán là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), bà H đã giao cho ông C 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), còn lại 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) bà H chưa đưa cho ông. Ông C đồng ý chuyển nhượng cho bà H 90m² đất, nhưng việc chuyển nhượng giữa ông với bà H có thỏa thuận là khi nào tách thửa ra công chứng chuyển nhượng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H giao số tiền còn lại cho ông C. Do chưa cắt được đất nên chưa ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà H được nên bà H khởi kiện ông C không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông Đặng Văn C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Lệ H, cụ thể:

Công nhận việc ông C và bà P đã chuyển nhượng cho bà H 90m² đất nằm trong thửa số 54, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C. Công nhận bà H là người sử dụng 90m², tứ cận đất là:

Cận hướng Đông giáp với đất hộ ông C (hiện đất bà H đang sử dụng), dài 17,6817m; cận hướng Tây giáp với đường bê tông, dài 17,6817m; cận hướng Nam giáp với đường đất, dài 5,09m, hướng Bắc giáp với phần đất còn lại của hộ ông C, dài 5,09m. (Ông C thống nhất với sơ đồ đo vẽ kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ mà Tòa án đã thực hiện và hai bên đã ký).

Tài sản trên 90m² đất là của bà H xây dựng. Đề nghị bà H trả lại cho ông và bà P 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) còn nợ.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bản đồ và kết quả thẩm định giá tài sản ông C không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Anh T trình bày: Ông Thống nhất với ý kiến của bà H.

2. Ông Phạm Tiến D trình bày: Ông D thống nhất với ý kiến trình bày của bà H, đề nghị Tòa án công nhận giao dịch mua bán đất và giấy mua bán đất ngày 10/8/2022 (được viết lại) giữa ông Đặng Văn C và bà Đặng Thị Lệ H đối với 90m² tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 là hợp pháp. Công nhận bà H là chủ sử dụng đối với 90m² đất trên. Buộc ông Đặng Văn C giao quyền sử dụng 90m² tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775; tọa lạc tại phường An K, thành phố Đà Nẵng cho bà Đặng Thị Lệ H.

3. Bà Nguyễn Thị Diễm P trình bày: Bà P xác nhận thửa đất số 54, tờ bản đồ số 7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C; tọa lạc tại phường An K, thành phố Đà Nẵng là của bà với ông Đặng Văn C. Vào năm 2011 vợ chồng bà P đã chuyển nhượng 60m² đất cho bà H, bà H đã làm nhà ở ổn định trên đất đó, năm 2022 bà H mua thêm 30m² đất nữa; tổng hai lần mua là 90m² đất. Bà H đã giao tiền cho vợ chồng bà nhưng vẫn còn nợ lại số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Về giá cả và các nội dung khác bà P thống nhất với ý kiến trình bày của bà H với ông C.

Nay bà H khởi kiện ông C và đề nghị vợ chồng bà công nhận giao dịch mua bán đất năm 2011, được viết lại tại giấy mua bán đất ngày 10/8/2022 giữa bên chuyển nhượng ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P với bên nhận chuyển nhượng bà Đặng Thị Lệ H, diện tích đất 90m², tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C là hợp pháp. Công nhận bà H là chủ sử dụng đối với 90m² đất trên. Buộc ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P giao quyền sử dụng 90m², thửa số 54, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775; tọa lạc tại phường An K, (phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng cho bà Đặng Thị Lệ H. Bà P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Đề nghị bà H trả số tiền còn nợ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của việc mua 30m² đất cho ông C, bà P.

4. Em Phạm Thị Q có người đại diện hợp pháp là bà Đặng Thị Lệ H và ông Phạm Anh T trình bày: Bà H ông T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo và đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi năm 2009 (tương ứng: Khoản 1 Điều 167, 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 45 Luật Đất đai năm 2024); Điều 121, 122, 124, 697, 698, 699, 700, 701, 702 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng: Điều 116, 117, Điều 119, 129, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 04/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, cụ thể:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Lệ H đối với bị đơn ông Đặng Văn C về việc “*Tranh chấp yêu cầu công nhận thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*”, tuyên xử:

- Công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng 90m² đất, tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998, đứng tên hộ ông Đặng Văn C; tọa lạc tại phường An K (phường Hoà An, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng năm 2011, được viết lại tại Giấy bán đất ngày 10/8/2022 giữa bên chuyển nhượng ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P với bên nhận chuyển nhượng bà Đặng Thị Lệ H có hiệu lực pháp luật.

- Công nhận bà Đặng Thị Lệ H là chủ sử dụng đối với 90m² đất và buộc ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P giao quyền sử dụng 90m² tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C; tọa lạc tại phường An K (phường Hoà An, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng cho bà Đặng Thị Lệ H.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

Buộc bà H trả cho ông C và bà P số tiền nợ mua 30m² đất 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Ông C, bà P có trách nhiệm Giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà H đi làm thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông C, bà P không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà H tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H được quyền tự mình liên hệ với cơ quan nhà nước để làm các thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Đối với nhà trên đất tiếp tục giao cho bà H quản lý, sử dụng và thực hiện đúng các thủ tục cập nhật, đăng ký biến động tài sản theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc bản đồ và thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đặng Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng (sau đây gọi là: Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng) thụ lý giải quyết về việc “*Tranh chấp yêu cầu công nhận thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*” đối với 90m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7, tại Số 341/2 Tôn Đ, phường An K (tổ 16, phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), TP Đà Nẵng đối với bị đơn ông Đặng Văn C. Đây là khởi kiện có đối tượng tranh chấp là bất động sản; tọa lạc tại phường An K (tổ 16, phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), TP Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố Tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà H là đúng thẩm quyền.

[1.2] Đối với các ông (bà): Đặng Văn T, Nguyễn Thị H, Đặng Thị Kim Y, Đặng Thị Kim Y1, Đặng Thị Lệ H1, Đặng Văn N, Đặng Thị Kim V, Phạm Thị Thảo M, Đặng Ngọc H trước đây Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tuy nhiên, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án những người trên đã có văn bản cam kết về tài sản, xác định thửa đất số 54, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998; tọa lạc tại: Xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng nay là địa chỉ: Số 341/2 Tôn Đ, tổ 16, phường An K (phường Hòa A, quận Cẩm Lệ cũ), TP Đà Nẵng là tài sản riêng của ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị Diễm P và việc đứng tên chủ quyền sử dụng đất là của duy nhất ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị Diễm P, không liên quan đến những ông (bà) có tên nêu trên, được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Ngọc Yến, số công chứng 2230, ngày 24/5/2021. Do đó việc giải quyết vụ án không có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các ông (bà): Đặng Văn T,

Nguyễn Thị H, Đặng Thị Kim Y, Đặng Thị Kim Y1, Đặng Thị Lệ H1, Đặng Văn N, Đặng Thị Kim V, Phạm Thị Thảo M, Đặng Ngọc H. Căn cứ Điều 48, 68, 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã ban hành Thông báo số 01/TB-TA ngày 18/02/2025 về việc chấm dứt tư cách người tham gia tố tụng của những người trên là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Bà Đặng Thị Lệ H khởi kiện ông Đặng Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng 90m² đất, tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998, đứng tên hộ ông Đặng Văn C; tọa lạc tại phường An K (phường Hoà An, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng năm 2011, được viết lại tại Giấy bán đất ngày 10/8/2022 giữa bên chuyển nhượng ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P với bên nhận chuyển nhượng bà Đặng Thị Lệ H có hiệu lực pháp luật. Công nhận bà Đặng Thị Lệ H là chủ sử dụng đối với 90m² đất và buộc ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P giao quyền sử dụng 90m² tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C; tọa lạc tại phường An K (phường Hoà An, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng cho bà Đặng Thị Lệ H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thì thấy:

[2.1] Xét về nguồn gốc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 7, diện tích 235m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998, đứng tên hộ ông Đặng Văn C (sau đây gọi tắt là: Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 7):

Ông C, bà H, bà P và cha mẹ, anh chị em gia đình ông C, bà H đều xác định, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 7 là của ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị Diễm P (vợ ông C) tạo lập và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đặng Văn C. Do đó, ông C và bà P có tất cả các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng, trong đó có quyền chuyển nhượng đất cho người khác được quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi năm 2009 (khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013, nay là khoản 1 Điều 27 Luật Đất đai năm 2024) nên việc ông C đại diện gia đình chuyển nhượng 90m² đất của thửa số 54, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C cho bà Đặng Thị Lệ H (bà H là em ruột ông C) là có căn cứ.

[2.2] Xét về giao dịch chuyển nhượng đất 90m² đất, tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7 năm 2011, được viết lại tại giấy bán đất ngày 10/8/2022 (sau đây gọi là: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) thì thấy:

Cả ông C, bà P, bà H và cha mẹ, anh chị em gia đình ông C, bà H đều xác định, năm 2011 ông C đại diện gia đình có chuyển nhượng cho bà H 60m² đất, nằm tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C. Năm 2022, bà H mua thêm 30m² đất của thửa đất trên; tổng diện

tích đất hai lần bà H nhận chuyển nhượng là 90m² nên hai bên đã viết lại Giấy bán đất đề ngày 10/8/2022, giấy bán đất viết tay, không có công chứng, chứng thực, nhưng có đầy đủ chữ ký của bên bán ông Đặng Văn C, bên mua bà H và người làm chứng bà Nguyễn Thị Diễm P (vợ ông C), ông Đặng Văn T (cha của ông C, bà H). Giấy bán đất ghi ông C đã nhận đủ 50.000.000 đồng của 60m² đất và nhận 100.000.000 đồng của 30m² đất. Bà H và ông C xác định, bà H còn nợ ông C 50.000.000 đồng của việc nhận chuyển nhượng 30m² đất. Điều đó, có căn cứ chứng minh việc ông C đại diện gia đình (có bà P ký làm chứng) chuyển nhượng quyền sử dụng 90m² đất thửa số 54, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C cho bà H là đúng sự thật. Do đó, có đủ cơ sở xác định giao dịch chuyển nhượng đất năm 2011, được viết lại tại giấy bán đất ngày 10/8/2022 giữa bên chuyển nhượng ông Đặng Văn C với bên nhận chuyển nhượng bà Đặng Thị Lệ H là chứng cứ. Như vậy, Giấy bán đất đề ngày 10/8/2022 được xác định là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.3] Xét về nội dung, hình thức và chủ thể tham gia ký kết giao dịch chuyển nhượng đất năm 2011, được viết lại tại giấy bán đất ngày 10/8/2022 thì thấy:

Tại thời điểm ông C chuyển nhượng quyền sử dụng 60m² đất năm 2011 và 30m² đất thửa số 54, tờ bản đồ số 7 năm 2022 được ghi lại tại giấy viết bán đất ngày 10/8/2022 cho bà H. Ông C, bà H đều là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giấy bán đất có người làm chứng là bà P (vợ ông C) và ông Đặng Văn T (cha của ông C, bà H). Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 7 đứng tên hộ ông Đặng Văn C nên việc ông C đại diện hộ gia đình ký giấy bán đất cho bà H đảm bảo về mặt chủ thể.

Giao giao dịch chuyển nhượng đất năm 2011, được viết lại tại giấy bán đất ngày 10/8/2022 được lập thành văn bản, nhưng không có công chứng, chứng thực theo quy định nên giấy bán đất trên vi phạm về hình thức theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005 (khoản 2 Điều 119, Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015), điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Nhưng giấy bán đất có đầy đủ chữ ký của bên bán ông C và bên mua bà H, người làm chứng chính là cha ông C, bà H và bà P vợ ông C đồng thời là người có quyền đối với thửa đất 54, tờ bản đồ số 7, các bên tham gia hợp đồng thừa nhận giấy bán đất trên và xác nhận việc các bên mua bán 90m² đất trên là sự thật.

Nội dung giấy bán đất ghi rõ thửa đất chuyển nhượng là thửa 54, tờ bản đồ số 7 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C, ghi rõ giá chuyển nhượng, thời gian giao nhận tiền, diện tích đất chuyển nhượng, vị trí đất chuyển nhượng nên đảm bảo về mặt nội dung.

Hơn thế nữa, sau khi chuyển nhượng 90m², ông C bên bán đất đã bàn giao đất cho bên mua bà H, bà H đã trả tiền 150.000.000 đồng cho ông C. Hai bên xác định còn nợ lại 50.000.000 đồng của việc mua thêm 30m² đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà H đã xây dựng nhà kiên cố trên đất, ký hợp đồng điện,

nước, nộp thuế đất, đăng ký thường trú và cùng chồng, con ở ổn định từ năm 2011 đến nay đã hơn 14 năm. Tại phiên tòa, ông C và bà P cũng đồng ý tiếp tục chuyển nhượng cho bà H 90m² đất như giấy bán đất và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Như vậy, giao dịch chuyển nhượng đất năm 2011, được viết lại tại giấy bán đất ngày 10/8/2022 thỏa mãn về nội dung chủ yếu của hợp đồng theo quy định tại Điều 501 Bộ luật Dân sự năm 2015, cũng như đúng với ý chí, nguyện vọng của các bên nên không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Căn cứ Án lệ số 04/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và áp dụng tương tự quy định tại điểm a, b.3 tiểu mục 2.3 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định thì, nếu sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trồng cây lâu năm, đã làm nhà kiên cố... và bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Tòa án công nhận hợp đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Lệ H là có căn cứ chấp nhận.

Ông C, bà P xác định thửa đất số 54, tờ bản đồ số 7 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C là tài sản chung của ông C, bà P. Việc ông C chuyển nhượng 90m² đất cho bà H, bà P biết và cùng ký vào giấy bán đất với tư cách người làm chứng nên khi tuyên buộc Hội đồng xét xử buộc cả ông C và bà P cùng thực hiện giao dịch cho bà H. Diện tích đất ông C, bà P chuyển nhượng cho bà H có tứ cận như sau:

Phía đông: Giáp đất bà H đang sử dụng – giáp đường bê tông (ông C xác định đất của ông C, bà P), dài 17,6817m.

Phía tây: Giáp đường bê tông, dài 17,6817m.

Phía nam: Giáp đường đất, dài 5,09m.

Phía bắc: Giáp đất của hộ ông Đặng Văn C, dài 5,09m.

(Có sơ đồ kèm theo – Sơ đồ các đương sự thông nhất tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ).

Ông C, bà P có trách nhiệm Giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà H đi làm thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông C, bà P không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà H tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H được quyền tự mình liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với các tài sản trên 90m² đất, các đương sự đều xác định của bà H. Do đó, bà H được quyền sở hữu, quản lý các tài sản đó; đồng thời, có quyền và nghĩa vụ thực hiện việc cập nhật, đăng ký tài sản theo quy định của pháp luật.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Văn C cho rằng, do ông với bà H thỏa thuận khi nào tách được thửa đất ra công chứng chuyển nhượng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng cho bà H thì bà H giao số tiền còn lại 50.000.000 đồng của 30m² đất mua năm 2022 cho ông C, do hiện nay chưa tách được thửa đất nên chưa công chứng để sang tên cho bà H được, do đó bà H khởi kiện thì ông C không đồng ý. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông C và bà P là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 54, tờ bản đồ số 7 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị Tòa án công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng 90m² đất, tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7 và công nhận bà Đặng Thị Lệ H là chủ sử dụng đối với 90m²; đồng thời bà H phải trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông C và bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, nhưng tại phiên tòa ông C và bà P đã đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Việc ông C, bà P đồng ý tiếp tục chuyển nhượng 90m² đất cho bà H phù hợp với phân tích của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự.

Bà H, ông C và bà P xác định bà H còn nợ ông C và bà P 50.000.000 đồng của việc mua 30m² đất, bà H đồng ý trả tiền cho ông C, bà P. Ông C, bà P cũng đồng ý nhận số tiền 50.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm (kể cả giá trị đất theo giá thị trường hiện tại) nên buộc bà H trả số tiền 50.000.000 đồng còn nợ của 30m² đất cho ông C và bà P.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, bà H xin tự nguyện chịu, hiện đã nộp và chi xong nên không xem xét.

Chi phí thẩm định giá tài sản là 16.200.000đ (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng), bà H xin tự nguyện chịu, hiện đã nộp và chi xong nên không xem xét.

Chi phí đo đạc bản đồ 1.893.766đ (một triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng), bà H xin tự nguyện chịu, hiện đã nộp và chi xong nên không xem xét.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng, ông C phải chịu nhưng bà H xin tự nguyện chịu thay nên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000760, ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Lệ H 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000759 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi năm 2009 (tương ứng: Khoản 1 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 45 Luật Đất đai năm 2024); Điều 121, 122, 124, 697, 698, 699, 700, 701, 702 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng: Điều 116, 117, Điều 119, 129, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 04/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các điều 95, 147, 157, 165, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố Tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Đặng Thị Lệ H, bị đơn ông Đặng Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm P về toàn bộ nội dung vụ án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Lệ H đối với bị đơn ông Đặng Văn C về việc “*Tranh chấp yêu cầu công nhận thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*”.

Tuyên xử:

1. Công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng 90m² đất, tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998, đứng tên hộ ông Đặng Văn C; tọa lạc tại phường An K (phường Hoà An, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng năm 2011, được viết lại tại Giấy bán đất ngày 10/8/2022 giữa bên chuyển nhượng ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P với bên nhận chuyển nhượng bà Đặng Thị Lệ H có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị Diễm P giao quyền sử dụng 90m², tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông

Đặng Văn C; tọa lạc tại phường An K (phường Hoà An, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng cho bà Đặng Thị Lệ H.

Bà Đặng Thị Lệ H được quyền sử dụng 90m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C; tọa lạc tại phường An K (phường Hoà An, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng, có tứ cận như sau:

Phía đông: Giáp đất bà H đang sử dụng (ông C xác định đất của ông C, bà P), dài 17,6817m.

Phía tây: Giáp đường bê tông, dài 17,6817m.

Phía nam: Giáp đường đất, dài 5,09m.

Phía bắc: Giáp đất của hộ ông Đặng Văn C, dài 5,09m

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

3. Bà Đặng Thị Lệ H được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu tất cả các tài sản trên 90m² đất; đồng thời, có các quyền và nghĩa vụ đối với tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P có trách nhiệm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C cho bà Đặng Thị H để bà H liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị Diễm P không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 176775, do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 06/02/1998 đứng tên hộ ông Đặng Văn C để bà H đi làm thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Đặng Thị Lệ H được quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đối với diện tích đất được công nhận chuyển nhượng (90m²) theo quy định của pháp luật.

5. Buộc bà Đặng Thị Lệ H trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị Diễm P.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

6. Chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, bà H xin tự nguyện chịu, hiện đã nộp và chi xong nên không xem xét.

Chi phí thẩm định giá tài sản là 16.200.000đ (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng), bà H xin tự nguyện chịu, hiện đã nộp và chi xong nên không xem xét.

Chi phí đo đạc bản đồ 1.893.766đ (một triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng), bà H xin tự nguyện chịu, hiện đã nộp và chi xong nên không xem xét.

7. Về án phí sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), ông C phải chịu nhưng bà H xin tự nguyện chịu thay nên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000760, ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Lệ H 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000759 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

8. Về kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 27/8/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

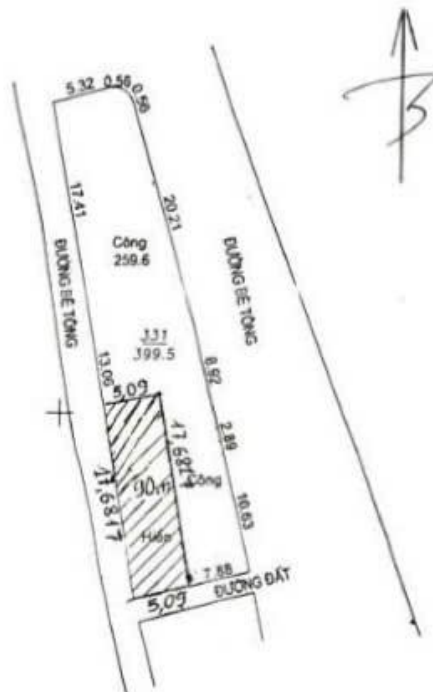
Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Lệ Hiền
Bị đơn: Ông Đặng Văn Công



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

14